

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;*

*Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Báo cáo 04/BC-HĐTD ngày 23/01/2026 của Hội đồng thẩm định về kết quả điều chỉnh số lượng bản DTTS, bản miền núi và bản đặc biệt khó khăn đã được công nhận tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 05/TTr-SDTTG ngày 26/01/2026; Ý kiến tán thành của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiên họp thứ 55 - UBND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh số lượng bản đặc biệt khó khăn, bản miền núi**

- Số lượng bản đặc biệt khó khăn: xã Long Hẹ 19 bản; xã Mường É 25 bản. Tổng số bản đặc biệt khó khăn toàn tỉnh: **1.205 bản.**

- Số lượng bản miền núi: Xã Mường La 48 bản. Tổng số bản miền núi toàn tỉnh: **2.227 bản.**

**2. Điều chỉnh số bản dân tộc thiểu số:** Xã Yên Châu 53 bản, xã Chiềng Hặc 40 bản. Tổng số bản dân tộc thiểu số toàn tỉnh: **2.040 bản.**

**3. Điều chỉnh, đính chính**

- Điều chỉnh bản đặc biệt khó khăn: Điều chỉnh 10 bản tại 02 xã (xã Quỳnh Nhai: 02 bản, xã Chiềng La: 08 bản).

- Điều chỉnh bản dân tộc thiểu số: Điều chỉnh 8 bản của 3 xã (xã Đoàn Kết: 02 bản; xã Chiềng Mai: 04 bản; xã Muối Nội: 02 bản).

- Định chính tên bản: Tại 3 bản của 3 xã (xã Lóng Sập: 01 bản; xã Mường Bú: 01 bản; xã Gia Phù: 01 bản).

(Có biểu điều chỉnh chi tiết kèm theo)

#### 4. Điều chỉnh

- Phần a, điểm 1, Điều 1, Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số **và miền núi**: 2.233/2.233 thôn/bản.

- Phần b, điểm 1, Điều 1, Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh: Thôn, bản đặc biệt khó khăn: **1.205** thôn/bản.

**5. Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 2.** Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu liên quan và kết quả xác định, phân định trên địa bàn; cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu vào phần mềm quản lý theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Chủ động kịp thời cập nhật thông tin trong quá trình rà soát, đánh giá, công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

#### **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. VQ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**

**DANH SÁCH**

**Điều chỉnh phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,  
thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày  
09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La**

*(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

| TT       | Tên xã               | Tên thôn/bản     | Thôn thuộc vùng |                     | Bản Đặc<br>biệt khó<br>khăn |
|----------|----------------------|------------------|-----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                      |                  | Miền<br>núi     | Dân tộc<br>thiểu số |                             |
| <b>1</b> | <b>Xã Mường É</b>    |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Bản Lũa          | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
| <b>2</b> | <b>Xã Long Hẹ</b>    |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Bản Nà Lanh      | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
|          |                      | Bản Nong Lạnh    | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
|          |                      | Bản Thẳm Ổn      | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
|          |                      | Bản Long Hẹ      | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
|          |                      | Bản Pú Chứn      | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
|          |                      | Bản Cha Mạy      | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
| <b>3</b> | <b>Xã Mường La</b>   |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Tiểu khu Hua Ít  | DTTS            | MN                  |                             |
|          |                      | Tiểu khu 2       | DTTS            | MN                  |                             |
|          |                      | Tiểu khu 4       | DTTS            | MN                  |                             |
| <b>4</b> | <b>Xã Yên Châu</b>   |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Bản Chiềng Kim   |                 | MN                  |                             |
|          |                      | Bản Chiềng phú   |                 | MN                  |                             |
|          |                      | Bản Thông Phiêng |                 | MN                  |                             |
|          |                      | Tiểu khu 7       |                 | MN                  |                             |
| <b>5</b> | <b>Xã Chiềng Hặc</b> |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Bản Đoàn Kết     |                 | MN                  |                             |
| <b>6</b> | <b>Xã Quỳnh Nhai</b> |                  |                 |                     |                             |
|          |                      | Bản Ca           | DTTS            | MN                  |                             |
|          |                      | Bản Khoang       | DTTS            | MN                  | ĐBKK                        |
| <b>7</b> | <b>Xã Chiềng La</b>  |                  |                 |                     |                             |

| TT        | Tên xã               | Tên thôn/bản         | Thôn thuộc vùng |                  | Bản Đặc biệt khó khăn |
|-----------|----------------------|----------------------|-----------------|------------------|-----------------------|
|           |                      |                      | Miền núi        | Dân tộc thiểu số |                       |
|           |                      | Bản Bó Mạ            | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Bản Huổi Lọng        | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Bản Liên Minh        | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Bản Quyết Thắng      | DTTS            | MN               |                       |
|           |                      | Bản Bay              | DTTS            | MN               |                       |
|           |                      | Bản Cọ               | DTTS            | MN               |                       |
|           |                      | Bản Huổi Lán         | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Bản Nà Cưa           | DTTS            | MN               |                       |
| <b>8</b>  | <b>Xã Đoàn Kết</b>   |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Bản Tà Lọt           | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Tiểu Khu 3           |                 | MN               |                       |
| <b>9</b>  | <b>Xã Chiềng Mai</b> |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Thôn 2 Hoàng Văn Thụ |                 | MN               |                       |
|           |                      | Bản Cơi Quỳnh        | DTTS            | MN               |                       |
|           |                      | Tiểu khu Ngã Ba      |                 | MN               |                       |
|           |                      | Bản Ban              | DTTS            | MN               |                       |
| <b>10</b> | <b>Xã Muối Nọi</b>   |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Bản Đông Hưng        |                 | MN               | ĐBKK                  |
|           |                      | Bản Thán Sàng        | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
| <b>11</b> | <b>Xã Lóng Sập</b>   |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Bản Bó Sập           | DTTS            | MN               |                       |
| <b>12</b> | <b>Xã Mường Bú</b>   |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Bản Pá Tong 2        | DTTS            | MN               | ĐBKK                  |
| <b>13</b> | <b>Xã Gia Phù</b>    |                      |                 |                  |                       |
|           |                      | Bản Lìn              | DTTS            | MN               |                       |